

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình**

#### **GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quy định một số nội dung về phân công, phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Công văn số 1048/SNV-CBCCVC ngày 13/6/2023 của Sở Nội vụ về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-STNMT ngày 15/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-STNMT ngày 16/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-STNMT ngày 17/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ kết quả xét tuyển viên chức của Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 167/BC-HĐXTVC ngày 01/8/2023 và Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đối với 17 thí sinh dự tuyển, trong đó có 16 thí sinh trúng tuyển (có Kết quả tuyển dụng đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2023, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, HSXT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Huệ**

## DANH SÁCH

Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	MS dự tuyển	Trình độ	Điểm sát hạch	Kết quả
<b>Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường</b>								
1	Lê Hoàng Vinh	Nam	22/10/1991	Số 73 đường Hoàng Diệu, TDP 5, phường Nam Lý, TP. phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	CNTT 2.5	Đại học; chuyên ngành công nghệ phần mềm	68,5	Trúng tuyển
<b>Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường</b>								
2	Trần Thanh Dương	Nam	01/08/2000	Khu phố 6, Phường Ba Đồn, TX Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	KTTN 2.7	Đại học; ngành Quản lý đất đai	67,5	Trúng tuyển
<b>Trung tâm Phát triển quỹ đất</b>								
3	Đặng Hữu Nhật Long	Nam	04/07/1998	51 Quang Trung, TT Kiến Giang, Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	PTQĐ 2.3	Đại học; ngành Quản lý đất đai	82,5	Trúng tuyển
4	Mai Xuân Long	Nam	11/01/1999	454 Quang Trung, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	PTQĐ 2.11	Đại học; ngành - tài chính ngân hàng (chuyên ngành Quản lý Tài chính công)	68,8	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	MS dự tuyển	Trình độ	Điểm sát hạch	Kết quả
<i>Văn phòng Đăng ký đất đai</i>								
5	Trần Đăng Nguyên	Nam	27/10/1994	Số 7, Ngõ 15 đường Nguyễn Hữu Dật, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.10	Đại học; ngành Quản lý đất đai	80,0	Trúng tuyển
6	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	21/10/2000	Xóm 3, thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.12	Đại học; ngành Quản lý đất đai	80,0	Trúng tuyển
7	Trần Thị Thùy Dung	Nữ	04/7/1994	Thôn Là Hà Nam, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 3.7	Đại học; ngành Quản lý Nhà nước	78,0	Trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	30/12/1994	Thôn 4, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.13	Đại học; ngành Quản lý đất đai	76,8	Trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	24/02/1996	Ngõ 26 TDP Hùng Phú, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 3.1	Đại học; Luật	75,5	Trúng tuyển
10	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	03/9/1996	05 Lê Đức Thọ, Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.14	Đại học; ngành Quản lý đất đai	75,0	Trúng tuyển
11	Trần Thị Kiều Giang	Nữ	23/6/1995	Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.18	Đại học; ngành Quản lý đất đai	72,5	Trúng tuyển

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>Chỗ ở hiện nay</b>	<b>MS dự tuyển</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Điểm sát hạch</b>	<b>Kết quả</b>
12	Võ Ngọc Tiệp	Nam	20/6/2000	Thôn Tú Loan 2, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.12	Đại học; ngành Quản lý đất đai	72,5	Trúng tuyển
13	Bùi Thị Bích Vân	Nữ	07/08/1995	Ngõ 12 Đặng Thai Mai, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.18	Đại học; ngành Quản lý đất đai	72,5	Trúng tuyển
14	Nguyễn Tiến Quang	Nam	06/4/1997	Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.15	Đại học; ngành Quản lý đất đai	71,5	Trúng tuyển
15	Trương Quốc Huy	Nam	20/6/1999	Xã Hóa Tiến, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.13	Đại học; ngành Luật	59,3	Trúng tuyển
16	Phan Hà My	Nữ	10/9/2001	02 Nguyễn Bình Khiêm, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.15	Đại học; ngành Luật	58,5	Trúng tuyển
17	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	04/3/2000	Số 2/10 Hà Văn Quan, tổ dân phố 14, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.15	Đại học; ngành Luật	28,5	Không trúng tuyển